

**NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI NĂM – LỚP 3**  
**Năm học 2019 – 2020**

**I. Môn Toán:**

- Đọc, viết; so sánh; tìm số liền trước, liền sau các số có đến năm chữ số.
- Thực hiện phép cộng, phép trừ các số có bốn hoặc năm chữ số (có nhớ không liên tiếp).
- Nhân số có bốn hoặc năm chữ số với số có một chữ số (nhân có nhớ không liên tiếp).
- Chia số có bốn hoặc năm chữ số cho số có một chữ số (chia hết và chia có dư trong các bước chia).
- Tính giá trị của biểu thức.
- Xem đồng hồ (chính xác đến một phút, cả trường hợp mặt đồng hồ có ghi số La Mã; nêu kết quả bằng hai cách khác nhau).
- Mối quan hệ giữa một số đơn vị đo thông dụng (độ dài, khối lượng, thời gian).
- Tính chu vi, diện tích hình chữ nhật và hình vuông.
- Giải bài toán liên quan đến rút về đơn vị.

**II. Môn Tiếng Việt:**

**1. Tập đọc:**

- Ôn các bài tập đọc, học thuộc lòng đã học từ tuần 25 đến tuần 32; trả lời được câu hỏi có liên quan đến nội dung bài đọc.

**2. Luyện từ và câu:**

- Nhân hóa.
- Cách đặt và trả lời câu hỏi: Vì sao? Như thế nào? Để làm gì? Bằng gì?
- Dấu phẩy, dấu chấm, dấu hai chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than.
- Mở rộng vốn từ: Nghệ thuật, Lễ hội, Thể thao.

**3. Tập làm văn:**

- Viết một đoạn văn ngắn từ 8 đến 10 câu có nội dung liên quan đến các chủ điểm đã học như: Lễ hội; Thể thao; Môi trường.

**III. Môn Tiếng Anh:**

\* **Vocabulary and sentence patterns** : Từ Unit 11 – Đến hết Unit 19

Unit	Vocabulary	Sentence patterns	Phonics
11	Grandfather, father, sister, mother, grandmother, brother	*Who's that? – He's/ She's my ____. *How old is your ____? – He's/She's	br- brother, ... gr - grandmother,...

		___.	
12	Bathroom, living room, bedroom, dining room, kitchen, garden, yard, fence, gate, pond	*There's a _____. – It's very nice. *Is there a _____? – Yes, there is. - No, there isn't.	<b>ch</b> – kitchen, ... <b>th</b> – bathroom,...
13	Chair, ball, bed, coat picture, poster, near, on, behind, under	*Where's the ____? – It's here/ there. *Where're the ____? – They're _____.	<b>ch</b> - chair,... <b>wh</b> – where,...
14	Cupboards, maps, wardrobes, sofas, fans, windows, doors, mirrors	*Are there any ____? -Yes, there are. - No, there aren't. *How many __ are there? –There are _____.	<b>a</b> – fan, ... <b>u</b> – cup, ...
15	Puzzle, doll, robot, car, yo-yo, ship, kite, plane	*Do you have ____? -Yes, I do. - No, I don't. *Does he/she have ____? Yes, he/she does. No, he/she doesn't.	<b>pl</b> – plane, ... <b>sh</b> – ship,...
16	Goldfish, rabbits, cats, parrots, next to, in front of, fish tank, flower pot	*Do you have any ____? -Yes, I do. - No, I don't. *Where are the ____? They're _____.	<b>O</b> – dog, ... <b>O</b> – parrot, ...
17	Planes, dolls, kites, trucks, goldfish, dogs, parrots, cats	*What toys do you like? I like ____. *How many ____ do you have? I have ____.	<b>i_e</b> – kite, ... <b>i</b> – ship, ...
18	cleaning the floor, listening to music, reading, cooking, watching TV, drawing, playing the piano, singing	*What are you doing? I'm ____. *What's he/she doing? He's/She's _____.	<b>ea</b> – reading,.. <b>aw</b> – drawing, ...
19	flying kites, skipping, cycling, skating, windy, cloudy, sunny, rainy, snowy, stormy	*What are they doing? They're ____. *What's the weather like? It's _____.	<b>ai</b> – rainy,... <b>a_e</b> – skate, ...

## \* Các dạng bài kiểm tra

### 1. LISTENING

- Listen and choose the best answer to complete the sentence.
- Listen and choose the best answer.

### 2. PHONETICS

- Choose the word whose underlined part is pronounced differently.

### 3. VOCABULARY AND SENTENCE PATTERNS

- Choose the best option to complete the sentence.

### 4. READING

- Read the passage carefully. Choose the best option A, B, C or D.
- Read the text below and choose the correct answer A, B, C or D.

### 5. WRITING

- Complete the second sentence so that it has the same meaning as the given one.
- Write full sentences, using the suggested words and phrases given.

### 6. SPEAKING

- Listen and repeat.
- Interview.
- Talk about the pictures, etc.

## V. Môn Tin học:

1. Biểu tượng của phần mềm Word ? Chức năng của phần mềm. Thao tác lưu và mở bài có sẵn
2. Các bước thay đổi phông chữ, cỡ chữ, kiểu chữ. Cách căn lề cho 1 đoạn văn bản
3. Có mấy kiểu gõ chữ cái Tiếng Việt ? Nêu quy tắc gõ các chữ cái và các dấu tương ứng với mỗi kiểu gõ.
4. Muốn chèn hình, tranh ảnh vào văn bản ta làm như thế nào ? Cách thay đổi, căn chỉnh vị trí của các hình, tranh ảnh đó.
5. Biểu tượng của phần mềm Tuxtyping ?
6. Biểu tượng của phần mềm Power Point ? Cách thêm 1 slide, một bài trình chiếu. Thao tác lưu bài và mở bài trình chiếu đã tạo.
7. Muốn thay đổi bố cục cho 1 slide cần sử dụng lệnh nào ? Cách chỉnh sử phông chữ, cỡ chữ, kiểu chữ, cách căn lề cho nội dung trong bài trình chiếu.
8. Nêu thao tác chèn hình, tranh ảnh vào bài trình chiếu.
9. Để thay đổi màu nền, thêm một số thông số chung cho trang trình chiếu cần thực hiện những thao tác nào ?


\* Các tổ hợp phím tắt :

- a. Để mở một trang mới: **Ctrl + N**
- b. Để lưu bài : **Ctrl + S**
- c. Để quay lại thao tác trước đó: **Ctrl + Z (Undo)**
- d. Để sao chép: **Ctrl + C** và Để paste: **Ctrl + V**
- e. Để chọn toàn bộ hình ảnh trong trang vẽ: **Ctrl + A**

----- Hết -----

**BAN GIÁM HIỆU DUYỆT**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  
  
Thái Thu Huyền

**GIÁO VIÊN BỘ MÔN**  
Tiếng Anh:   
Nguyễn Thị Thu Hiền  
Tin học:   
Nguyễn Thăng Thành

**KHÓI TRƯỞNG CM**  
  
Nguyễn Thị Thúy

